

A. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

STT	Tên đơn vị đăng kiểm	Tên tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm	Địa chỉ hoạt động (đăng ký hoạt động)
1	36.01S	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Thanh Hóa	Số 276 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hoá.
2	36.02S		Khu 6, Phường Quang Trung, Tỉnh Thanh Hóa
3	36.03D	Công ty Cổ phần Tập đoàn xây dựng Miền Trung	Số 89 Đường Võ Nguyên Giáp, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa
4	36.06D		Khu phố Ngọc Minh, xã Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa
5	36.04D	Công ty DV&TM TH Việt Hưng	Phố 1, đường Trịnh Kiểm, phố Phù Lưu 1, phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hoá
6	36.05D	Công ty TNHH Đạm Xuân	Km513 đường Hồ Chí Minh, thôn Phố, xã Thạch Quảng, Tỉnh Thanh Hóa.
7	36.08D	Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Thực Hăng	Thôn 4, phường Đông Sơn, Thanh Hóa
8	36.09D	Công ty Cổ phần ADI	Số 25/38, đường Nguyễn Nhữ Soạn, Phú Thọ 3, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
9	36.10D	Công ty TNHH XD Linh Hoàng	Quốc lộ 10, xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa
10	36.12D	Chi nhánh Công ty TNHH Sơn Thanh Phong - An Tiến Phát	Khu đô thị Bắc Cầu Hạc, Phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hoá
11	36-13D	Công ty TNHH TH-ONE	Ngã 5 xã Đồng Tiến, tỉnh Thanh Hoá
12	36-014	Công ty TNHH Phương Hà	Thôn Cao Nhuận, Xã Nông Cống, Tỉnh Thanh Hóa

13	36-015	Công ty TNHH Thiết bị phòng cháy chữa cháy Thanh Hóa	Km 3+520, đường Bắc Nam 2, phường Hải Bình, tỉnh Thanh Hóa.
----	--------	--	---

B. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM ĐỦ ĐIỀU KIỆN KIỂM ĐỊNH XE MÁY CHUYÊN DÙNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

STT	Tên đơn vị đăng kiểm	Tên tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm	Địa chỉ hoạt động (đăng ký hoạt động)	Số điện thoại, Email
1	36.01S	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Thanh Hóa	Số 276 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hoá.	02373.961.218 dangkiemthanhhoa@gmail.com
	36.02S		Khu 6, Phường Quang Trung, Tỉnh Thanh Hóa	02373.776.700 dangkiemthanhhoa@gmail.com
2	36.03D	Công ty Cổ phần Tập đoàn xây dựng Miền Trung	Khu phố Ngọc Minh, xã Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa	02373.573.888 dk3606d@gmail.com
3	36.05D	Công ty TNHH Đạm Xuân	Km513 đường Hồ Chí Minh, thôn Phố, xã Thạch Quảng, Tỉnh Thanh Hóa.	0865.002.019 dangkiemdx@gmail.com
4	36.10D	Công ty TNHH XD Linh Hoàng	Quốc lộ 10, xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa	02372.206.668 dangkiem3610d@gmail.com
5	36.12D	Chi nhánh Công ty TNHH Sơn Thanh Phong - An Tiến Phát	Khu đô thị Bắc Cầu Hạc, Phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hoá	02373.966.888 trungtamdangkiem3612d@gmail.com

C. DANH SÁCH ĐĂNG KIỂM VIÊN, NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

I. CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM 36-01S, 36-02S

I.1. Đăng kiểm viên

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	MÃ SỐ ĐKV	GHI CHÚ
1	Nguyễn Văn Khoát	08/04/1974	861	GD; ĐKV Hạng I;
2	Bùi Văn Tuyên	21/10/1970	858	PGD; ĐKV Hạng I;
3	Phạm Vũ Huy	18/02/1982	491	PGD; ĐKV Hạng I;

4	LêBAT Trung	02/11/1975	993	ĐKV Hạng I
5	Phạm Tuấn	10/02/1978	860	ĐKV Hạng I
6	Nguyễn Văn Hiếu	03/08/1988	544	ĐKV Hạng I
7	Phạm Hồng Sự	04/05/1991	KD-00995	ĐKV BC (Hạng I)-XMCD hạng II
8	Phạm Khắc Quyền	04/11/1991	KD-01288	ĐKV BC (Hạng I)-XMCD hạng II
9	Dương Văn Sơn	01/05/1981	1181	ĐKV Hạng II
10	Nguyễn Văn Bình	02/06/1968	419	ĐKV Hạng II
11	Lê Quốc Dũng	11/11/1984	1287	ĐKV Hạng II
12	Lê Văn Tuấn	05/04/1994	2069	ĐKV Hạng II
13	Mai Văn Cường	20/10/1964	363	ĐKV Hạng II
14	Bùi Ngọc Sơn	18/09/1978	KD-01136	ĐKV (Hạng II-XCG, XMCD)
15	Nguyễn Ngọc Quang	16/01/1984	859	ĐKV Hạng II

I.2. Nhân viên nghiệp vụ

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH		GHI CHÚ
1	Lê Văn Biên	13/04/1966		
2	Trịnh Giang Nam	06/08/1968		
3	Nguyễn Đình Khoa	10/05/1969		
4	Trần Thị Thùy Linh	24/10/1980		
5	Lê Thị Như Loan	17/09/1982		
6	Lê Thị Tâm	17/06/1983		
7	Nguyễn Hồng Ngọc	28/08/1983		
8	Lê Thị Hiền	29/05/1985		
9	Trần Thị Thanh Nga	11/12/1985		
10	Trần Ngọc Thắng	19/08/1990		
11	Nguyễn Công Cường	01/01/1993		
12	Nguyễn Trường Minh	24/07/1983		
13	Trần Thị Thu Hằng	23/10/1981		
14	Lê Việt Hà	10/08/1989		

II. CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM 36-03D, 36-06D

II.1. Đăng kiểm viên

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	MÃ SỐ ĐKV	GHI CHÚ
1	Nguyễn Thanh Hải	04/08/1979	1278	PGĐ; ĐKV Hạng I;
2	Nguyễn Lệnh Hiếu	20/11/1983	KD-00058	PGĐ; ĐKV Hạng I-XCG, Hạng II-XMCD;

3	Vũ Minh Ngọc	20/07/1988	KD-01276	PGĐ; ĐKV Hạng I;
4	Dương Văn Thông	24/03/1980	KD-01274	PGĐ; ĐKV Hạng I;
5	Nguyễn Trọng Giang	02/12/1980	00605	PGĐ; ĐKV Hạng I;
6	Nguyễn Ngọc Hà	10/09/1985	00532	ĐKV Hạng I
7	Lưu Quang Dũng	20/11/1985	KD-00663	ĐKV Hạng I
8	Bùi Lê Cường	28/01/1984	00531	ĐKV Hạng I
9	Hoàng Bùi Hóa	12/02/1983	00496	ĐKV Hạng I
10	Lê Văn Tân	03/10/1975	KD-01014	ĐKV Hạng I
11	Nguyễn Văn Tuyển	20/04/1988	01275	ĐKV Hạng I
12	Trịnh Văn Tĩnh	05/05/1990	01117	ĐKV Hạng I
13	Phạm Đăng Dũng	02/04/1984	00586	ĐKV Hạng I
14	Nguyễn Trần Toàn	06/09/1985	00588	ĐKV Hạng I
15	Trịnh Xuân Kiên	22/03/1986	00846	ĐKV Hạng I
16	Lê Duy Cường	06/03/1985	00585	ĐKV Hạng I
17	Nguyễn Văn Hưng	28/08/1973	KD-00971	ĐKV (Hạng II-XCG, XMCD)
18	Nguyễn Văn Thành	27/09/1983	KD-00970	ĐKV (Hạng II-XCG, XMCD)
19	Trịnh Tô Hoài	22/12/1968	KD-01015	ĐKV Hạng II
20	Phạm Như Kiên	12/07/1989	KD-01745	ĐKV Hạng II
21	Nguyễn Quang Tâm	20/07/1966	00587	ĐKV Hạng II
22	Nguyễn Mạnh Cường	21/05/1982	KD-02070	ĐKV Hạng II
23	Phạm Ngọc Hoan	12/02/2000	KD-20478	ĐKV Hạng II
24	Trần Văn Hoàng	19/05/1992	KD-02071	ĐKV Hạng II
25	Lê Tuấn Anh	21/08/1981	20480	ĐKV Hạng II
26	Lê Phú Anh	16/12/1998	20479	ĐKV Hạng II
27	Nguyễn Hoài Nam	08/12/1999	KD-20675	ĐKV Hạng II

II.2. Nhân viên nghiệp vụ

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH		GHI CHÚ
1	Nguyễn Thị Thủy	12/07/1979		
2	Phan Thị Vy	12/07/1970		
3	Trần Hồng Minh	15/07/1985		
4	Lê Thị Hải Yến	03/10/1989		
5	Lê Thị Hưng	07/09/1992		
6	Hoàng Thị Cẩm Vân	09/03/1991		
7	Bùi Thị Lan Hương	24/01/1991		
8	Đinh Thị Vân Anh	27/01/1992		

9	Nguyễn Hữu Trang	27/08/1992		
10	Lê Thị Hải	17/11/1988		
11	Lê Thị Ngọc Ánh	05/09/1995		
12	Lê Khánh Linh	02/11/1987		
13	Lê Thị Nguyên	09/03/1986		
14	Nguyễn Văn Truyền	25/05/1993		
15	Cao Duy Khang	06/06/1982		
16	Nguyễn Văn Tùng	20/10/1995		

III. CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM 36-04D

III.1. Đăng kiểm viên

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	MÃ SỐ ĐKV	GHI CHÚ
1	Phạm Thanh Minh	04/09/1978	00862	PGĐ; ĐKV Hạng I;
2	Lê Huy Nam	05/10/1988	KD-01137	ĐKV Hạng II
3	Phan Thanh Hoàng	29/06/1996	01950	ĐKV Hạng II
4	Nguyễn Văn Việt	19/05/1995	01951	ĐKV Hạng II
5	Lê Việt Anh	02/09/1991	KD-20013	ĐKV Hạng II
6	Nguyễn Quốc Chấn	02/02/1998	KD-20014	ĐKV Hạng II

III.2. Nhân viên nghiệp vụ

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH		GHI CHÚ
1	Lê Văn Tuấn	18/08/1989		

IV. CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM 36-05D

IV.1. Đăng kiểm viên

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	MÃ SỐ ĐKV	GHI CHÚ
1	Đỗ Hoàng Long	02/04/1981	1485	PGĐ; ĐKV Hạng I;
2	Lê Quang Linh	20/09/1980	1163	PGĐ; ĐKV Hạng I
3	Lê Phạm Vui	02/02/1997	KD-20337	ĐKV Hạng II (XCG-XMCD)
4	Nguyễn Văn Giáp	06/11/1993	KD-20660	ĐKV (Hạng II)
5	Trần Văn Hà	06/06/1994	KD-20705	ĐKV (Hạng II)
6	Bùi Văn Lưu	04/04/1972	KD-02087	ĐKV (Hạng II)

IV.2. Nhân viên nghiệp vụ

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH		GHI CHÚ
1	Nguyễn Thị Quỳnh	17/06/1992		
2	Nguyễn Thị Lý	16/06/1994		
3	Trần Văn Linh	08/07/1995		

V. CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM 36-08D

V.1. Đăng kiểm viên				
STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	MÃ SỐ ĐKV	GHI CHÚ
1	Lê Đình Trọng	05/05/1985	KD-01180	PGĐ; ĐKV Hạng I;
2	Trịnh Đình Sơn	28/02/1997	KD-02093	ĐKV Hạng II
3	Bùi Đình Lâm Anh	06/06/1997	20179	ĐKV Hạng II
4	Lê Minh Quân	03/09/1990	KD-02072	ĐKV Hạng II
5	Lê Trọng Đức	25/03/1997	20203	ĐKV Hạng II
V.2. Nhân viên nghiệp vụ				
STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH		GHI CHÚ
1	Nguyễn Xuân Bắc	03/02/1987		
VI. CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM 36-09D				
VI.1. Đăng kiểm viên				
STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	MÃ SỐ ĐKV	GHI CHÚ
1	Đình Văn Khanh	04/07/1988	00947	PGĐ; ĐKV Hạng I;
2	Trần Khắc Thi	15/12/1983	01983	ĐKV Hạng II
3	Nguyễn Văn Hải	24/06/1996	01973	ĐKV Hạng II
VI.2. Nhân viên nghiệp vụ				
STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH		GHI CHÚ
1	Lê Văn Bình	02/09/1960		
2	Doãn Thị Tươi	14/07/1988		
VII. CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM 36-10D				
VII.1. Đăng kiểm viên				
STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	MÃ SỐ ĐKV	GHI CHÚ
1	Mai Duy Mạnh	07/06/1987	00792	PGĐ; ĐKV Hạng I;
2	Nguyễn Tiến Thọ	02/12/1981	KD-20082	PGĐ; ĐKV Hạng II;
3	Nguyễn Văn Hoàng	05/06/1985	KD-20112	ĐKV Hạng II
4	Dương Trọng Toàn	01/05/1983	KD-20111	ĐKV Hạng II
5	Luyện Văn Quân	11/08/1995	KD-20302	ĐKV Hạng II (XCG-XMCD)
VII.2. Nhân viên nghiệp vụ				
STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH		GHI CHÚ
1	Hoàng Thị Hồng	02/03/1986		
2	Lê Thị Nga	05/07/1993		
VIII. CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM 36-12D				
VIII.1. Đăng kiểm viên				

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	MÃ SỐ ĐKV	GHI CHÚ
1	Trần Hùng Vĩ	12/01/1976	00996	PGĐ; ĐKV Hạng I;
2	Vũ Việt Hùng	16/11/1988	KD-00607	ĐKV Hạng I-XCG); Hạng II-XMCD
3	Lê Văn Định	20/07/1977	KD-20451	ĐKV Hạng II-XCG, XMCD
4	Trương Sỹ Tùng	20/02/1997	20292	ĐKV Hạng II
5	Phạm Quang Thủy	30/07/1985	20181	ĐKV Hạng II
6	Bùi Sỹ Hùng	27/03/1995	20271	ĐKV Hạng II

VIII.2. Nhân viên nghiệp vụ

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH		GHI CHÚ
1	Cao Thị Huệ	09/08/1980		
2	Đoàn Văn Nhân	13/05/1990		

IX. CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM 36-13D

IX.1. Đăng kiểm viên

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	MÃ SỐ ĐKV	GHI CHÚ
1	Nguyễn Hữu Thùy	07/07/1990	KD-01248	GĐ; ĐKV Hạng I;
2	Nguyễn Xuân Thọ	10/09/1982	611	PGĐ; ĐKV Hạng I;
3	Lê Minh Đại	11/05/1990	20180	ĐKV Hạng II
4	Hoàng Đức Anh	03/06/1996	KD-01982	ĐKV Hạng II-XCG, XMCD
5	Nguyễn Trung Anh	22/10/2000	KD-20659	ĐKV Hạng II
6	Mai Công Dương	30/12/2000	KD-20658	ĐKV Hạng II

IX.2. Nhân viên nghiệp vụ

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH		GHI CHÚ
1	Nguyễn Thị Dung	07/04/1991		
2	Đặng Duy Phong	02/07/2000		

X. CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM 36-014

X.1. Đăng kiểm viên

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	MÃ SỐ ĐKV	GHI CHÚ
1	Bùi Đức Mạnh	1983	56	PGĐ; ĐKV Hạng I;
2	Lê Chí Giang	1988	1135	ĐKV Hạng II;
3	Lê Công Vũ	1983	1286	ĐKV Hạng II
4	Hồ Sỹ Toàn	1977	DK-1269	ĐKV Hạng II-XCG, XMCD

X.2. Nhân viên nghiệp vụ

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH		GHI CHÚ
1	Lê Văn Thành	1989		
2	Lê Hải Yến	1992		
3	Trần Thị Quỳnh	1992		
4	Lê Văn Tiến	1999		
XI. CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM 36-015				
XI.1. Đăng kiểm viên				
1	Nguyễn Tiến Hòa	1983	00044	PGĐ; ĐKV Hạng I
2	Phạm Bá Quang	1995	00835	ĐKV Hạng II
3	Phạm Văn Huy	1990	KD-01318	ĐKV Hạng I
XI.2. Nhân viên nghiệp vụ				
1	Nguyễn Thị Thu Sương	1992		
Tổng ĐKV: 85 (Trong đó: 36 ĐKV hạng I (ĐKVBC) và 49 ĐKV hạng II (ĐKV); ĐKV XMCD: 12)				
Tổng NVNV: 48				